NHÌN LẠI BA PHẦN TƯ THẾ KỶ NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ HOÀ BÌNH Ở BA NƯỚC ĐÔNG DƯƠNG

TRÌNH NĂNG CHUNG*

I. NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG NGHIÊN CỨU

1.1. Đầu thế kỷ XX, người Pháp thành lập Trường Viễn Đông Bác Cổ tại Hà Nội. Đây là trung tâm nghiên cứu duy nhất của người phương Tây nghiên cứu chủ yếu về lịch sử và văn hoá ba nước Đông Dương. Phát hiện và nghiên cứu văn hoá Hoà Bình là một trong những thành tựu quan trọng nhất của khảo cổ học tiền sử Đông Dương đầu thế kỷ XX. Công lao phát hiện và xác lập văn hoá Hoà Bình thuộc về nữ học giả người Pháp- Bà Madeleine Colani, còn những nỗ lực nhằm làm sáng tỏ mọi khía cạnh của nền văn hoá này thuộc về nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu tiền sử Đông Nam Á, trong đó có đóng góp quan trọng của các nhà khảo cổ học Việt Nam.

Trong thời gian từ 1926 đến 1932, M. Colani đã phát hiện và khai quật trên 50 di tích văn hoá Hoà Bình ở Việt Nam (7, 8, 10, 11, 12,13). Đầu năm 1932, tại Đại hội các nhà Tiền sử Viễn Đông lần thứ nhất họp tại Hà Nội, thuật ngữ "Văn hoá Hoà Bình" do M. Colani đưa ra đã được thừa nhận và phổ biến rộng rãi. Có thể nói, M. Colani là người đặt nền móng cho việc phát hiện và nghiên cứu văn hoá Hoà Bình Việt Nam. Dẫu còn những hạn chế tất yếu nào đó, nhưng với trên 20 công trình nghiên cứu về văn hoá Hoà Bình của bà đã để lại dấu ấn sâu đậm trong văn hoá khảo cổ học Việt Nam nói riêng, Đông Dương nói chung.

Năm 1934, các nhà địa chất học người Pháp đã khai quật và nghiên cứu những di tích Hoà Bình đầu tiên trên đất Lào. Hơn ba mươi năm sau (1965), những dấu tích văn hoá của cư dân Hoà bình được tìm thấy trên đất nước chùa tháp Cămpuchia.

1.2. Ngay sau khi hình thành, ngành khảo cổ học non trẻ Việt Nam bắt tay vào việc nghiên cứu nền văn hoá nổi tiếng này. Bên cạnh việc chỉnh lý phân loại các

* TS. Trình Năng Chung, Viện Khảo cổ học

bộ sưu tập văn hoá Hoà Bình ở kho Viện Bảo tàng Lịch sử, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã tiến hành điều tra, khảo sát, khai quật nhiều di tích Hoà Bình ở các vùng khác nhau.

Cho đến nay, đã ba phần tư thế kỷ trôi qua, ở Việt Nam đã phát hiện trên 140 di chỉ Hoà Bình. Không những số lượng di tích tăng nhiều mà phạm vi phân bố cũng trải rộng hơn. Ngoài Hoà Bình, Thanh Hoá tập trung nhiều nhất, di tích Hoà Bình còn có mặt ở vùng núi các tỉnh phía bắc như Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Ninh Bình, Hà Tây. Về phía nam trải rộng đến các tỉnh Nghệ An, Quảng Bình và Quảng Trị (3, 5, 27, 39, 41, 54, 55). Điểm cực đông đến tỉnh Quảng Ninh.

Những bộ sưu tập hiện vật đá, tàn tích động thực vật thu thập được qua các cuộc khai quật được xử lý rất khoa học. Đáng chú ý là các nhà khảo cổ học Việt Nam đã áp dụng nhiều phương pháp khai quật mới và ứng dụng các khoa học tự nhiên trong nghiên cứu, khiến cho nhận thức của chúng ta về nền văn hoá này ngày càng hệ thống, toàn diện hơn và các nhận định cũng có sức thuyết phục hơn. Cho đến nay đã gần 20 di tích Hoà Bình đã được xác định niên đại bằng phương pháp C14 (27)một số được định niên đại bằng phương pháp AMS (16, 48). Nhiều địa điểm đã được phân tích mẫu bào tử phấn hoa (27).

Không những chúng ta đã phát hiện và khai quật nhiều di tích Hoà Bình mà còn phát hiện nhiều di tích Tiền Hoà Bình và Hậu Hoà Bình. Điều này giúp ta tìm hiểu được bước phát triển trước, sau của văn hoá Hoà Bình.

Những thành tựu to lớn đó đã được phản ánh qua nhiều ấn phẩm sách, báo chuyên ngành như tạp chí *Khảo cổ học*, hay kỷ yếu *Những phát hiện mới về khảo cổ học* của Viện Khảo cổ học, hoặc trong những ấn phẩm của Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam (58,59). Đáng chú ý là quyển sách " *Văn hoá Hoà Bình ở Việt Nam*" do Viện Khảo cổ học xuất bản năm1989 đã phản ánh được phần lớn những kết quả nghiên cứu văn hoá Hoà Bình cho đến cuối thập kỷ 90 của thế kỷ trước (27)

Có 2 mốc lớn đáng ghi nhớ trong chặng đường nghiên cứu văn hoá Hoà Bình: Thứ nhất là Hội nghị khoa học kỷ niệm 50 năm phát hiện và nghiên cứu văn hoá Hoà Bình được tổ chức tại Hà Nội vào cuối năm 1982. Hầu hết các báo cáo khoa học đã được đăng trong tạp chí *Khảo cổ học* năm số 1-2 năm 1984 và số 2 năm 1986.

Thứ hai là Hội nghị Quốc tế kỷ niệm 60 năm văn hoá Hoà Bình tổ chức ở Hà Nội vào năm 1993 đã thu được kết quả rực rỡ. Ngoài các nhà khảo cổ học Việt Nam, hội nghị đã đón hàng chục học giả nước ngoài từ 5 Châu: Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc và Châu Phi. Phần lớn bài tham gia hội nghị được công bố trên tạp chí *Khảo cổ học* số 3, số 4 năm 1994 và Tạp chí *Vietnam Social Sciences* số 5 năm 1994. Tài liệu về văn hoá Hoà Bình dần dần được các học giả Việt Nam và nước ngoài giới thiệu rộng rãi trên thế giới.

II. NGHIÊN CỨU HOÀ BÌNH Ở VIỆT NAM

a. Tái nhận thức và tân nhận thức

a.1. Về niên đại, ngay từ lúc mới phát

hiện, M. Colani đã cho rằng văn hoá Hoà Bình có ba giai đoạn phát triển từ hậu kỳ đá cũ đến đá giữa và sang đá mới Bắc Sơn. Tiếp theo M. Colani, giới học giả đã có những tranh luận sôi nổi về tuổi của văn hoá Hoà Bình. Một số ý kiến xem xét Hoà Bình như văn hoá Đá giữa với ý nghĩa là thời đại văn hoá trung gian giữa Đá cũ và Đá mới (51), một số người lại cho văn hoá Hoà Bình hoàn toàn thuộc về thời đại Đá mới (2, 4, 28). Sau những cuộc khai quật ở hang Xóm Trại và Mái đá Điều tình hình có đổi khác. Một loạt những niên đại C14 ở các tầng vị khác nhau của hai di chỉ trên cho thấy niên đại giai đoạn sớm của văn hoá Hoà Bình lùi sâu vào thế Pleistocene. Đến nay, quan điểm được thừa nhận phổ biến là văn hoá Hoà Bình đã bắt đầu trong thế Pleistocene và tồn tại lâu dài ở thế Holocene, trong sự chuyển tiếp từ thời đại đá cũ sang thời đại đá mới. Như vậy có một bộ phận Hoà Bình thuộc hậu kỳ đá cũ. Những di tích Hoà Bình sớm có số lượng ít, niên đại từ 18.000- 12.000 năm cách nay. Những di tích Hoà Bình điển hình (còn gọi là Hoà Bình phát triển) chiếm số đông, niên đại từ 12.000- 8.000 năm cách nay. Chiếm số lượng ít hơn cả là những di tích Hoà Bình muộn, niên đại từ 8.000- 7.000 năm cách nay. Như vậy văn hoá Hoà Bình có hơn 10.000 năm tồn tại và phát triển. Khung niên đại mà chúng tôi nêu trên, thực chất là sự tái nhận thức lại những quan điểm mà M. Colani đã nêu từ buổi đầu, nhưng nhận thức giờ đây đã được nâng lên với sự bổ xung bằng những niên đại khá cụ thể với những nội dung văn hoá hàm chứa trong nó. Và khái niệm Đá giữa không có chỗ đứng trong tiền sử Hoà Bình.

a.2. Trước đây, nhận thức chung của các nhà nghiên cứu khảo cổ là các di tích Hoà Bình chủ yếu là loại hình di tích hang động. Đã có người gọi Hoà Bình là nền văn hoá hang động. Trong hệ sinh thái thung lũng Karst, cư dân Hoà Bình phân bố thành từng nhóm hay thành từng cụm di tích. Theo Nguyễn Khắc Sử, mỗi nhóm di tích chiếm cứ vài ba thung lũng là một kiểu tập hợp cư dân vừa theo huyết thống vừa theo địa vực, nó hoàn toàn phù hợp với trình độ của cư dân vốn khai thác hệ sinh thái phổ tạp (38, 15)

Trong hơn chục năm qua, ngoài di tích Sập Việt tìm thấy vào thập kỷ 70 của thế kỷ XX, chúng ta đã phát hiện thêm gần chục địa điểm Hoà Bình ngoài trời, đó là các địa điểm Ngòi Nhù trên thềm cổ sông Hồng thuộc tỉnh Lào Cai, địa điểm Bến Mậu A cũng ven sông Hồng thuộc tỉnh Yên Bái (41); và các địa điểm Khuổi Bốc; Nà Thìn; Bắc Giòn; Nà Đứa; Pá Van trên thềm Sông Gâm thuộc tỉnh Tuyên Quang (55) Đã có một số phác thảo về các hệ sinh thái văn hoá Hoà Bình(21,23, 29, 35, 38, 52, 57). Dựa vào nguồn tư liệu mới, cho phép chúng ta có nhận thức mới về các định hướng sinh thái khác nhau của người Hoà Bình, đó là:

- Môi trường sinh thái thung lũng Karst. Đây là môi trường sinh thái chủ yếu của cư dân Hoà Bình.

- Môi trường sinh thái đồi, gò có nguồn gốc thềm sông cổ. Đây là hệ sinh thái khá phổ biến của người Hoà Bình ở vùng núi Đông Bắc.

- Môi trường sinh thái vùng đồi thềm thấp ven biển (địa điểm Giáp Khẩu)

a.3. Văn hoá Hoà Bình là một văn hoá

tiêu biểu trong truyền thống công cụ cuội ở Việt Nam và Đông Nam Á.

Trong hầu hết các công trình nghiên cứu về văn hoá Hoà Bình đều xác nhận rằng, cư dân Hoà Bình chủ yếu sử dụng cuội sông, suối để chế tác công cụ. Trước đây, người ta cho rằng người Hoà Bình mới chỉ biết chế tác công cụ đá bằng những kỹ thuật ghè đẽo truyền thống. Kỹ thuật chế tác công cụ Hoà Bình là sự kết hợp các thủ pháp ghè đẽo, chặt, đập, bổ, bẻ... trong đó kỹ thuật ghè đẽo trực tiếp đóng vai trò chủ đạo. Kỹ thuật mài xuất hiện rất muộn trong văn hoá Hoà Bình (27, 53). Kỹ thuật cưa, khoan vắng mặt.

Đã có một thời, rất nhiều người đã từng phản đối giả thuyết của W.Solheim II. về kỹ thuật mài xuất hiện trong văn hoá Hoà Bình từ 20.000 năm trước(60). Giả thuyết của W. SolheimII chỉ là phán đoán thiếu cơ sở khoa học. Nay, kết quả nghiên cứu từ hang Xóm Trại và Mái đá Điều cho thấy, kỹ thuật mài với những chiếc rìu mài lưỡi đã xuất hiện khá phổ biến từ hơn 16.000 năm cách nay, sớm hơn nhiều so với các nhận định trước kia.

Đã có nhiều nhà nghiên cứu đưa ra các cách phân loại công cụ Hoà Bình khác nhau(8, 27, 29,30, 36), nhưng theo Hà Văn Tấn thì dù bằng cách phân loại nào thì công cụ kiểu Sumatra hay Sumatralith được ghè đẽo một mặt vẫn là loại hình trung tâm của sự chú ý. Sumatralith không những là công cụ điển hình của văn hoá Hoà Bình mà còn là biểu hiện một kỹ thuật chế tác đặc biệt, có thể gọi là kỹ thuật Sumatralith. Do vậy không thể gọi là di tích Hoà Bình nếu không có Sumatralith. Tuy nhiên không phải nơi nào có Sumatralith thì ở đó đã có Hoà Bình chân chính (25). Đây là một nhận thức mới về kỹ nghệ Hoà Bình.

a.4. Trong số các di vật tìm thấy ở các di tích Hoà Bình, gốm có số lượng ít và còn chưa rõ ràng về loại hình và kỹ thuật chế tác. Mặc dù gốm tìm thấy ở khá nhiều di chỉ Hoà Bình, nhưng phần lớn phân bố ở các lớp đất trên, do vậy nhiều người cho đồ gốm không xuất hiện trong văn hoá Hoà Bình, thậm chí mới đây, vẫn có người còn giữ quan điểm như vậy (28:109).

Trước đây, M. Colani cho rằng đồ gốm đã xuất hiện ở tầng II- tầng giữa, tầng văn hoá Hoà bình điển hình- với rìu mài lưỡi sơ khai (9). Điều đáng tiếc là, phần lớn các di tích Hoà Bình do Colani khai quật, di vật gốm chưa được coi trọng đúng mức. Sau này, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã khắc phục được phần nào khiếm khuyết đó.

Năm 1975, tại địa điểm hang Sũng Sàm, trong lớp văn hoá sớm nhất, sát đáy hang có niên đại 11.365±80 BP và 10.770±75 BP, các nhà khảo cổ đã tìm thấy gốm. Gốm Sũng Sàm dầy, xương đỏ nâu pha cát thô và bã nhuyễn thể, bên ngoài màu nâu đen, văn thừng. Gốm bở, nặn bằng tay, làm bằng đất sét lấy tại chỗ do người Hoà Bình ở Sũng Sàm khai thác (14).

Năm 1998, trong hố đào khảo sát hang Đán Cúm, một di chỉ Hoà Bình sớm trên đất Hà Giang, các nhà khảo cổ đã thu được một số mảnh gốm thô dày, văn thừng thô, xương màu xám, pha nhiều cát ở độ sâu 1,70 m cùng với những công cụ Hoà Bình điển hình (56).

Dựa vào sự có mặt của gốm tìm thấy ở di chỉ Hang Đắng có niên đại C14 là 7665± 100 BP và 7508± 100 BP, một số ý

kiến cho rằng gốm đã có mặt vào giai đoạn muộn của văn hoá Hoà Bình (27,44). Việc phát hiện ra những mảnh gốm thô tại Sũng Sàm và Đán Cúm khiến chúng tôi phải suy nghĩ lại vấn đề gốm trong văn hoá Hoà Bình.

Gần đây, khi nói về sự xuất hiện của gốm sớm vùng Nam Trung Quốc, các nhà khảo cổ học Trung Quốc cho rằng sự xuất hiện của đồ gốm trong văn hoá tiền sử nói chung không nhất thiết phải gắn với kinh tế sản xuất với lối sống định cư, mà là do nhu cầu bức thiết của kinh tế hái lượm-đánh bắt những loại thuỷ sinh như ốc, cua, cá vv...Chúng tôi tán đồng luận điểm này và xem nó thích ứng với trường hợp văn hoá Hoà Bình. Sự hiện diện của các tầng ốc dày trong các di chỉ Hoà Bình thể hiện một lối sống định hướng ven sông, ven suối, ven biển. Để làm chín thức ăn từ nguồn thuỷ sinh đó, họ không thể duy trì cách nướng từng con ốc, con cua, con cá. Sự ra đời của đồ gốm với chức năng là đồ nấu dường như là một hệ quả tất yếu của những cư dân Hoà Bình chuyên "ăn ốc". Do vậy có nhiều khả năng đồ gốm đã xuất hiện vào đầu giai đoạn phát triển của văn hoá Hoà Bình mà không phải đến giai đoạn muộn Hoà Bình như đã có người chủ trương.

a.5. Một trong những nhận thức mới đạt được trong những năm gần đây là việc thừa nhận sự ra đời của nông nghiệp nguyên thuỷ trong văn hoá Hoà Bình. Trước đây, nhiều ý kiến cho rằng, săn bắt và hái lượm là phương thức kiếm ăn chính yếu của cư dân văn hoá Hoà Bình. Trong những năm gần đây, với việc phát hiện một hệ thống hạt cây trồng như cây đậu, bầu, dưa leo, củ ấu, hồ tiêu, trám, cau v.v. trong các lớp văn hoá tại di chỉ Hang Ma ở Thái Lan của C.F. Gorman, cùng những dấu vết trồng trọt sớm trong một số địa điểm xung quanh hồ Nhật Nguyệt ở Đài Loan, nhiều nhà thực vật học và khảo cổ học đã đề cập đến Hoà Bình như điểm khởi đầu của nghề trồng trọt nguyên thuỷ.

Các nhà khảo cổ học Việt Nam đã có đóng góp lớn trong việc nghiên cứu vấn đề này. Một mặt chúng ta tìm hiểu cảnh quan môi trường khu vực phân bố di tích văn hoá Hoà Bình, tiến hành phân tích bào tử phấn hoa trong tầng văn hoá các di tích Hoà Bình. Mặt khác chúng ta tìm hiểu công dụng cụ thể của các loại hình công cụ như công cụ dạng cuốc, rìu dài, bàn nghiền, chày nghiền, đặc biệt là rìu mài lưỡi. Đã có nhiều nghiên cứu nhấn mạnh đến khả năng chặt cây, phá rừng, cuốc đất trồng cây của một số loại công cụ hình rìu, cuốc trong văn hoá hoá Hoà Bình (27, 40). Do đó, cho đến nay, mặc dù chưa tìm thấy những chứng cứ trực tiếp về vấn đề cây trồng trong văn hoá Hoà Bình, song từ những tài liệu gián tiếp có thể nói vào giai đoạn cuối của văn hoá này, bên cạnh nền kinh tế săn bắt, hái lượm con người đã bắt đầu biết thuần hoá cây trồng, khai mở nghề trồng trọt bằng cuốc và chủ yếu là cây ăn quả và củ. Đây chính là giai đoạn "nông nghiệp trồng vườn" như quan niệm của một số nhà nghiên cứu khi đề cập đến nông nghiệp nguyên thuỷ.

b. Những vấn đề tồn tại

b.1. Trong chuyên khảo bàn về " Hoà Bình ở Đông Nam Á: Văn hoá, những văn hoá hay phức hợp kỹ thuật" được

công bố năm 1994, học giả Hà Văn Tấn đã lưu ý chúng ta về tính đa dạng, phức tạp của bản thân khái niệm văn hoá Hoà Bình (25). Đây là vấn đề lý thuyết công cụ rất cơ bản vì nó liên quan đến hướng nghiên cứu và phương pháp tiếp cận vấn đề Hoà Bình.

Không ít người trong giới nghiên cứu tiền sử Đông Nam Á đã băn khoăn khi đứng trước một thực trạng là, với một thời gian tồn tại dài hơn 10.000 năm, lại phân bố trên một khu vực rất rộng lớn ở khu vực Đông Nam Á, liệu khái niệm " văn hoá khảo cổ Hoà Bình" có chuyển tải nổi khúc chuyển giữa hai thời đại văn hoá tiền sử ? Từ những nghiên cứu tài liệu khai quật hang Ma ở Thái Lan, nhà khảo cổ học Mỹ C.F. Gorman đã nhiều lần chối bỏ khái niệm văn hoá Hoà Bình và thay vào đó là thuật ngữ "Phức hệ kỹ thuật Hoà Bình" (*Hoabinhian Technocomplex)* (18,19, 20) Tinh thần của quan điểm này có ảnh hưởng rất lớn đến những học giả thuộc thế hệ sau C.F. Gorman, trong đó bà Rasmi Shoocongdej nữ khảo cổ học người Thái là một minh chứng điển hình. Sau những khai quật ở hang Lang Kamnan thuộc miền tây Thái Lan, nữ khảo cổ học người Thái này đã khuyến cáo các nhà khảo cổ từ bỏ khái niệm " Hoabinhian" vì nó không thích ứng với khung cảnh Đông Nam Á (45). Cũng giống như C.F. Gorman, nhà khảo cổ Danny Tan đã gắn phức hợp kỹ thuật Hoà Bình vào một số sưu tập cuội ở Autralia và New Guinea (15). Hay như W.Solheim II đã không quan niệm Hoà Bình như là một văn hoá mà xem nó như một phức hợp kỹ thuật khi xem xét một số di tích đá cuội ở Nhật Bản (48).

Cho đến nay, giới khảo cổ học Việt Nam vẫn kiên trì khái niệm văn hoá khảo cổ để chuyển tải những nội dung của một tập hợp những di tích như Hoà Bình ở Việt Nam và Đông Nam Á. Có một thực tế là các nhà tiền sử học Việt Nam còn vắng bóng trên lĩnh vực khảo cổ học lý thuyết. Mặt khác, chúng ta chưa quan tâm đầy đủ các vấn đề chung đặt ra cho tiền sử Đông Nam Á, do vậy chúng tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta cần phải cần đẩy mạnh việc nghiên cứu khảo cổ học lý thuyết. Và một trong những việc cần làm trước hết là làm rõ Hoà Bình là một văn hoá, hay những văn hoá hoặc phức hợp kỹ thuật.

b.2. Trong giai đoạn sơ kỳ đá mới ở Việt Nam còn tồn tại một văn hoá Bắc Sơn phân bố chủ yếu ở sơn khối đá vôi Bắc Sơn. Đây là nền văn hoá quan trọng, được giới khoa học coi là có mối quan hệ gần gũi và mang nhiều nét tương đồng với văn hoá Hoà Bình. Đã có những cuộc thảo luận khá sôi động kéo dài hàng thập kỷ về mối quan hệ giữa văn hoá Hoà Bình và văn hoá Bắc Sơn. Văn hoá này là một dạng hình địa phương của văn hoá kia hay là những văn hoá độc lập. Chúng có chung hay khác nguồn gốc? (3, 4,24, 26, 27, 38).

Có một thực tế là, trong mấy năm gần đây việc nghiên cứu hai nền văn hoá này có phần hơi chùng xuống. Có nhiều nguyên nhân, nhưng một trong những nguyên nhân chủ yếu là trong thời gian qua, các nhà nghiên cứu khảo cổ học tiền sử Việt Nam đã tập trung hướng nghiên cứu của mình vào những nền văn hoá khác mới phát hiện. Do vậy, việc nghiên cứu về mối quan hệ giữa văn hoá Hoà Bình và văn hoá Bắc Sơn vẫn còn bỏ ngỏ,

dang dở. Những tranh luận về vấn đề này cần được tiếp tục trong thời gian tới.

b.3. Chúng ta đã thu được rất nhiều thành tựu trong việc nghiên cứu văn hoá Hoà Bình. Song những vấn đề về cấu trúc xã hội, văn hoá phi vật thể của cư dân Hoà Bình vẫn chưa được làm rõ. Có chăng chỉ là những thử nghiệm, nặng tính suy đoán, và thiếu cơ sở vững chắc. Đã có những nghiên cứu thành công sự phát triển kinh tế và tổ chức xã hội của cư dân cổ Cúc Phương (35). Từ việc nghiên cứu hệ thống sinh thái nhân văn vùng Đông Bắc, Hà Hữu Nga đã gắng dựng lên các cấu trúc xã hội tiền nhà nước vùng Đông bắc (22). Mới đây, bằng phương pháp nghiên cứu "vi khảo cổ học"(Micro studies of archaeology), Nguyễn Việt đã cho chúng ta biết phần nào tổ chức kinh tế xã hội tiền sử thể hiện rõ nét qua chiến lược lương thực của người Hoà Bình (42). Rõ ràng là chúng ta cần có nhiều hơn những công trình như vậy.

Về văn hoá phi vật thể (intangable culture) của người Hoà Bình chúng ta cũng còn hiểu biết rất ít. Những mầm mống nghệ thuật tạo hình nguyên thuỷ thể hiện trên vách hang Đồng Nội cho đến nay vẫn chưa được chứng minh một cách chắc chắn là sáng tạo của người Hoà Bình.

Trong những năm gần đây số lượng mộ táng Hoà Bình phát hiện nhiều hơn, xử lý có kết quả hơn. Đây là nguồn tài liệu quý không chỉ giúp cho việc nghiên cứu về thành phần nhân chủng mà còn cả vấn đề lễ nghi táng thức. Mới đây thôi, tài liệu mộ táng phát hiện được ở hang Phia Vài, Tuyên Quang đã đem lại cho chúng ta nhận thức mới về táng thức của người Hoà Bình. Đó là cách khâm liệm đặt vỏ ốc vào hốc mắt người chết với mục đích làm cho người đàn bà quá cố đẹp hơn, sống động hơn (34). Đó là tư duy thẩm mỹ hay là táng tục đặc biệt? Dù sao chăng nữa thì điều có thể nhận thức được là chế độ mẫu hệ giữ vai trò quan trọng trong cộng đồng người Phia Vài cổ.

III. NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ HOÀ BÌNH Ở LÀO VÀ CĂMPUCHIA

Hoà Bình là hiện tượng văn hoá chung của Đông Nam Á, do vậy nghiên cứu văn hoá Hoà Bình Việt Nam không thể tách rời bối cảnh chung của khu vực, đặc biệt là với 2 quốc gia liền kề là Lào và Cămpuchia. Tuy nhiên cho đến nay, rất ít di tích văn hoá Hòa Bình tìm thấy ở hai quốc gia trên.

Ở Lào, năm 1934 tại vùng sơn khối đá vôi tỉnh Luang Prabang, hai nhà địa chất học người Pháp- J. Fromajet.và E. Saurin đã khai quật hai di tích Hoà Bình. Đó là địa điểm hang Tam Hang và hang Tam Nang Anh. Những công cụ Hoà Bình ở đây rất điển hình, bao gồm công cụ hình đĩa, công cụ Sumatra, công cụ hình hạnh nhân, bàn nghiền, chày nghiền... Đáng chú ý là trong sưu tập Tam Nang Anh có 1 dấu "Bắc Sơn" và 1 chiếc rìu mài lưỡi kiểu Bắc Sơn. Từ những chứng cứ này, J. Fromajet và E. Saurin xem xét Tam Nang Anh như là một di chỉ ở vào giai đoạn cuối sơ kỳ đá mới (17).

Cũng trong dịp này, địa điểm hang Tam Pong cũng được khai quật, Có điều là tài liệu về hang này 30 năm sau mới được công bố (46) Bộ sưu tập đá Tam Pong thể hiện những nét đặc trưng cơ bản của kỹ nghệ Hoà Bình. Ngoài di vật khảo cổ,

trong cả ba lớp văn hoá ở Tam Pong còn tìm thấy một số di cốt người, đặc biệt là chiếc sọ nữ khá nguyên vẹn nằm giữa mặt phân cách giữa lớp giữa và lớp dưới.

Ở Lào cũng đã phát hiện được di tích Hoà Bình ngoài trời, đó là địa điểm Pah Xieng Tọng ở tỉnh Sầm Nưa. Bộ sưu tập Hoà Bình ở đây được sưu lượm trên bề mặt, bao gồm cả những rìu ghè hai mặt (46).

Cách Viên Chăn không xa, các thành viên trong đoàn khảo sát khảo cổ học trong chương trình xây dựng đập Pamong đã phát hiện được hai di chỉ Hoà Bình trong hang động. Đó là địa điểm Tam Pha Hom và Tam Din (1).

Sau những phát hiện của các nhà khảo cổ phương Tây, các nhà khảo cổ học Nhật Bản cũng tìm được một số hang động Hoà Bình mới trên đất Lào. Đáng tiếc là tác giả bài viết này chưa được tiếp cận được những tài liệu nói trên. Mới đây, Thongsa Sayavongkhamdy- nhà khảo cổ học người Lào đã thông báo về địa điểm Tam Hua Tu, tỉnh Luang Prabang có chứa công cụ Hoà Bình trong lớp văn hoá sớm của di chỉ (49,50).

Điều đáng chú ý là so với các nước Đông Nam Á khác, sưu tập công cụ Hoà Bình ở Lào gần gũi với sưu tập Hoà Bình ở Bắc Việt Nam nhất. Điều này cũng dễ hiểu, bởi về mặt địa lý sinh thái, các sơn hệ đá vôi Đông Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam là một khối đồng nhất trong đó hàm chứa vô vàn những hang động, và do vậy có thể là nơi cư trú những nhóm cư dân Hoà Bình có quan hệ với nhau mật thiết về văn hoá và kinh tế.

Tại Campuchia, trên những dãy sơn khối đá vôi ở phía Tây và Tây Nam rất giàu những hang động. Năm 1965 hai vợ chồng khảo cổ học người Pháp là Mourer đã đến khu vực này khảo sát và khai quật hang Leang Spean (Hang Cầu) thuộc tỉnh Battambang. Những công cụ cuội lớn tìm thấy trong tầng văn hoá mang phong cách của kỹ nghệ Hoà Bình cùng với mảnh gốm thô. Di tích động vật ở đây hầu hết là những giống loài hiện còn đang tồn tại. Vỏ nhuyễn thể rất nhiều, đặc biệt có cả ốc biển Cyprea ở lớp sâu nhất (31,32).

Ngoài địa điểm Leang Spean còn có di tích cồn sò Phnom Kbal Romeas tỉnh Kampot được C. Gorman xếp vào văn hoá Hoà Bình (19). Tuy nhiên niên đại 3.400 BC của di tích này khiến nhiều người nghi ngại tính chất cũng như nội dung văn hoá Hoà bình của di tích này.

Năm 1967, J.P. Carbonnel cũng đã phát hiện khu di tích hang động Phnom Laang trong sơn khối đá vôi tỉnh Kampot, miền Đông Cămpuchia. Ông đã ghi nhận sự tồn tại của kỹ nghệ Hoà Bình nằm trong lớp văn hoá trên ở hang C7. Song tài liệu về chúng vẫn chưa được nghiên cứu và công bố (6).

Trong những năm gần đây, hoạt động khảo cổ học chủ yếu ở Cămpuchia hướng trọng tâm nghiên cứu khảo cổ học lịch sử, giai đoạn Angkor và tiền Angkor (33). Những thông tin về văn hoá Hoà Bình dường như rất ít.

Như vậy, mặc dù có tiềm năng rất lớn trong việc phát hiện và nghiên cứu văn hoá Hoà Bình, nhưng do những điều kiện khách quan mà sự hiểu biết về văn hoá Hoà Bình ở Lào và Cămpuchia còn nhiều hạn chế. Có một thực tế là, mảng nghiên cứu khảo cổ học tiền- sơ sử còn là khâu

yếu ở hai quốc gia này.. Đấy cũng là vấn đề tồn tại cần phải được khắc phục trong thời gian tới. Khảo cổ học là một ngành mang tính chất đặc thù, không bó hẹp trong biên giới quốc gia. Nghiên cứu văn hoá thời tiền sử - sơ sử cần phải có sự hợp tác trên tất cả các lĩnh vực thuộc chuyên ngành khảo cổ học. Trước hết là sự hợp tác trong việc cập nhật , thường xuyên trao đổi những tài liệu lưu trữ và những thành tựu, kết quả nghiên cứu của mỗi nước về lĩnh vực khảo cổ học.

Các nhà khảo cổ học Việt Nam rất cần sự hợp tác nghiên cứu Quốc tế với các đồng nghiệp ở Lào và Cămpuchia. Ngược lại các nhà khảo cổ học Lào và Cămpuchia cũng rất cần sự hợp tác từ phía các đồng nghiệp Việt Nam trong việc trao đổi thường xuyên, bổ xung lẫn nhau những thông tin, tài liệu lưu trữ và những thành tựu, kết quả nghiên cứu của mỗi nước về các di tích văn hoá thời tiền-sơ sử, trong đó có các di tích văn hoá Hoà Bình ở ba nước Đông Dương./.

TÀI LIỆU DẪN

1. Bayrad. 1980. *The PaMong archaeological surveys programe 1973- 1975*. University of Otago. Studies in prehistoric anthropology XIII.
2. Bùi Vinh. 1984. *Văn hóa Hòa Bình trong buổi đầu thời đại đá mới Việt Nam*. Khảo cổ học số 1-2, 1984.
3. Chử Văn Tần. 1965. *Trở lại vấn đề văn hóa Hòa Bình-Bắc Sơn*. Nghiên cứu lịch sử, số 72. 1965.
4. Chử Văn Tần. 1984. *Niên đại các bước phát triển của văn hóa Hòa Bình*. Khảo cổ học số 1-2 năm 1984.
5. Chử Văn Tần. 1992: *Không gian cư trú mở: Di chỉ Sập Việt, những chứng tích tiền Hoà Bình- Hoà Bình và hậu Hoà Bình*. Khảo cổ học. Số 2,tr: 22-32.
6. Cabonnel.J.P et Poupeau.G. 1969 : *Premier element de datation absolu par traces de fission des basaltes de I' Indonechine méridional*. Earth and planritary. Science Letters 6. Amsterdam.
7. Colani. M. 1926. *Découverte du Paléolithique la province de Hoa Binh*- L'Anthropologie, Vol XVI.
8. Colani. M. 1927. *L'Âge de la pierre dans la province de Hoa Binh*. Memoires du Service Geologique de l' Indochine. Vol. XIV.
9. Colani. M. 1928. *Notice sur la Préhistoire du Tonkin*. Bullentin du service géologique de l'Indochine. Vol XVII-
10. Colani. M. 1930a. *Quelques stations Hoabinhiennes*. Bulletin l' Ecole francaise d' extreme-orient. HaNoi-Paris. Vol XXIX.
11. Colani. M. 1930b. *Gravures primitives sur pierre et sur os (Stations Hoanbinhiennes et Bacsoniennes)*. Bulletin l' Ecole francaise d' extreme-orient. HaNoi-Paris. T. XXIX.
12. Colani. M. 1931. *Recherches sur la Préhistoire Indochine*- Bulletin l' Ecole francaise d' extreme-orient. HaNoi-Paris. T. XXX
13. Colani. M. 1932. *Différent aspects du néolithique Indochinois*- Préhistoris Asiae Orientalis. Premier Congrès des Préhistoriens d'Extrême- Orient.
14. Diệp Đình Hoa.1978: *Thành phần hoá học của đồ gốm cổ ở một số địa điểm thuộc thời đại đá mới Việt Nam*. Trong *Những phát hiện mới khảo cổ học năm 1978*, Viện Khảo cổ học, Nhà X/b Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 124-125.
15. Danny Tân. 2000: *HoaBinhian artifacts from greater Australia: diffusion of a sin-*

gle technology. Bulletin of the Indo-Pacific Prehistory association 17. 2000. Vol 1. pp: 74

16. Đoàn khai quật hang Chổ. 2005: *Kết quả khai quật hang Chổ(Hoà Bình)2004*. Trong *Những phát hiện mới khảo cổ học năm 2005*, Viện Khảo cổ học, Nhà X/b Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 57-58.

17. Formanget J. et Saurin E. 1936. *Note preliminare sur les Formations Cénozoiques et plus Cécentes de la chaine Annamitique Septentrionale et du Haut Laos*- Bullentin du service géologique de l'Indochine, XXII, fasc. 8. Hanoi.

18. Gorman.C.F. 1969. *Hoabinhian: A pebble-tool complex with early plant assocuatic in Southeast Asia*. Science, Vol 16. 1969.

19. Gorman. C. F 1971. *The Hoabinhian and after: subsistence patterns in Southeast Asia during the late Pleistocene and early recent periods*. World archaeology, Vol. 2, N. 3, 1971.

20. Gorman.C.F. 1972. *Exvacations at Spirit Cave, North Thailand: some interim interpretations* - AP.XXIX, 1970.

21. Hà Hữu Nga. 1991. *Toàn cảnh văn hoá Bắc Sơn*. Khảo cổ học, số 2,

22. Hà Hữu Nga. 2004: *Khảo cổ học Đông Bắc Việt Nam: Từ những hệ sinh thái nhân văn tới cấu trúc xã hội tiền nhà nớc*. Trong Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam, tập I. Nhà x/b Khoa học Xã hội, Hà Nội.

23. Hà Văn Tấn 1982. *Các hệ sinh thái nhiệt đới tiền sử Việt Nam và Đông Nam Á*. Khảo cổ học. số 3 năm 1982.

24. Hà Văn Tấn 1992: *Văn hoá Hoà Bình: Những vấn đề sau 60 năm*. Khảo cổ học. Số 2. tr.1-4

25. Ha Van Tan 1994: *The Hoabinhian in Southeast asia: Culure, Cultures or Technocomplex*. In Vietnam Social sciences. No 5.pp 3-8

26. Hoàng Xuân Chinh 1978. *Quan hệ giữa văn hóa Hòa Bình và văn hóa Bắc Sơn*, Khảo cổ học số 3, năm 1978.

27. Hoàng Xuân Chinh (chủ biên)1989. *Văn hoá Hoà Bình ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội

28. Hoàng Xuân Chinh 2005 : *Các nền văn hoá cổ Việt Nam*. Nhà xuất bản Lao động. Hà Nội.2005

29. Lover I.C. 1977. *The Hoabinhian hunter. Gatherers or early agriculturalists in Southeast Asia- hunter gatherers and fisrt famer*. Beyond Europe, 145-166.

30. Matthews J.M 1964. *The Hoaninhian in Southeast Asia and Elsewhere*. Ph.D. Thesis Australian National University. Canberra.

31. Mourer I.C. et R. Mourer. 1972. *Recherche sur la gisement préhistorique de Leang spean, Phnom Teak Trang (Province de Battmbang) Cambodge*. Annales Université des Beaux arts. Phnom-Penh.

32. Mourer I.C. 1977. *Leang Spean and the prehistiry of Cambodia*.-Modern quaternary rasearch in Southeast Asia. 7.

33. MiranT.Stark and Bong Sovath 2002 : *Recen tresearch on emergent complexity in Cambodia's MeKong*. Bulletin of the Indo-Pacific Prehistory association. Vol 5. 2002. pp: 85-98

34. Nguyễn Lân Cường. 2007: *Một phát hiện độc đáo về cổ nhân học tại hang Phia Vài (Tuyên Quang)*. Khảo cổ học Số 4. tr 3-11.

35. Nguyễn Khắc Sử 1983. *Sự phát triển kinh tế và tổ chức xã hội của dân cổ Cúc Phương*. Khảo cổ học. số 1.

36. Nguyễn Khắc Sử 1984a. *Nghiên cứu công cụ văn hóa Hòa Bình*- Khảo cổ học, số 1- 2

37. Nguyễn Khắc Sử 1984b. *Đặc trưng nguồn gốc và bớc chuyển của văn hóa Hòa Bình*- Khảo cổ học số 1-2.

38. Nguyễn Khắc Sử 1987. *Kỹ nghệ công cụ cuội Việt Nam và vị trí của nó trong thời đại đá Đông Nam Á*. Khảo cổ học, số 2 năm 1987.

39. Nguyễn Khắc Sử 1992: *Tìm hiểu loại hình địa phương của văn hoá Hoà Bình ở Việt Nam*. Khảo cổ học. Số 3, tr 1-13.

40. Nguyễn Thị Kim Dung 1984. *Một chức năng các công cụ đá của văn hóa: Hòa Bình: chức năng cuốc*. Khảo cổ học, số 1-2 năm 1984.

41. Nguyễn Văn Quang 2004. *Khảo cổ học tiền sử và sơ sử Yên Bái*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Hà Nội

42. Nguyen Viet 2004. *Hoabinhian Food strategy in Viet Nam*. In "Southeast Asian archaeology" by Wilhelm G.Solheim II Festchrift. The University of the Philippines Press, Diliman, Quezon City 2004. Pp 442-462.

43. Phạm Huy Thông- Hoàng Xuân Chinh- Nguyễn Khắc Sử.1990 : *Hang Con Moong*. Viện Khảo cổ học. Hà Nội.

44. Phạm Lý Hương. 1984: *Gốm trong văn hoá Hoà Bình*. Khảo cổ học, số 1-2. 1984

45. Rasmi Shoocongdej 1966: *Forager mobility organization in seasonal trpical enviroments: a view from Lang Kaman cave Western Thai Lan*. Thesis of Doctor Philosophy in the university of Michigan, 1996.

46. Saurin.E. 1968. *Station préhistorique à Ciel- Ouvert dans le Passif du Pah Xieng Tong (Lao)*. Asian Pacific archaeology series, No 2. W.G. Solheim II, , University of Hawaii, Honolulu. Pp 87- 95

47. Solheim W.G. II 1974. *The Hoabinhian and Island Southeast Asia*. In regions-proceedings of the fisrt seminar on Southeast Asian prehistory and Archaeology. National Museum of the Philippines, Malina, 1972: 19- 26.

48. Solheim. W.G. 2006: *Archaeology and culture in Southeast Asia: Unraveling the Nusantao*. The University of the Philippines Press. Quezon City. Pp: 20-40.

49. Seonbok Yi, Jeong Lee, Lâm Mỹ Dung, Vũ Thế Long và Nguyễn Kim Thuỷ. 2004: *Niên đại AMS của một số địa điểm khảo cổ học Việt Nam*. Khảo cổ học, số 2. tr.86-90.

50. Thongsa Sayavongkhamdy.1998: "*Recent archaeological research in Laos*". Bulletin of the Indo-Pacific Prehistory association 17. 2000. Vol 1.

51. Thongsa Sayavongkhamdy and Peter Bellwood. 2000: "*Recent archaeological research in Laos*". Bulletin of the Indo-Pacific Prehistory association 19. 2000. Vol3. pp:101-110.

52. Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Diệp Đình Hoa 1975. *Cơ cở khảo cổ học*. Nhà Xuất bản Đại học và Hà Nội. 1975.

53. Trần Quốc Vọng- Lâm Mỹ Dung. 1994: *Không gian văn hoá Hoà Bình*. Khảo cổ học. Số 3 tr:7-13.

54. Trinh Nang Chung 1994: *Technological and typological characteristics of the chipped tools in the Hoa Binh culture*. In Vietnam Social sciences. No 5.

55. Trình Năng Chung - Bùi Vinh. 1999 : *Khai quật hang Đán Cúm và Nà Chảo, Hà Giang*. Trong *Những phát hiện mới khảo cổ học năm 1999*. Viện Khảo cổ học, Nhà X/b Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr 81-87.

56. Trình Năng Chung- Đào Quý Cảnh 2004: *Điều tra khảo cổ học vùng lòng hồ thuỷ điện Tuyên Quang*. T liệu Viện Khảo cổ học.

57. Trình Năng Chung 2007: *Góp bàn về bước chuyển Hoà Bình- Bắc Sơn qua tài liệu hang Đán Cúm- Nà Chảo , Hà Giang*. Tư liệu Viện Khảo cổ học..

58. Vũ Thế Long 1984. *Người Hòa Bình và thế giới động vật*. Khảo cổ học, số 1-2 năm 1984

59. Viện bảo tàng Lịch sử Việt Nam 1967: *Những hiện vật tàng trữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam về văn hoá Hoà Bình*. Hà Nội

60. Viện bảo tàng Lịch sử Việt Nam 1969: *Những hiện vật tàng trữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam về văn hoá Bắc Sơn*. Hà Nội.